

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2248/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 04 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt mục tiêu, nội dung nghiên cứu, sản phẩm **ĐẾN** và chỉ tiêu đánh giá Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Bộ “Khoa học và công nghệ nhằm nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo khí tượng, thủy văn, hải văn và phục vụ quản lý nhà nước về khí tượng, thủy văn và biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020”, mã số TNMT.05/16-20

TRUNG TÂM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA	
Số:.....	791.....
Ngày:.....	31.3.....

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-TTg ngày 22 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Khí tượng Thủy văn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1318/QĐ-BKHHCN ngày 05 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 05/2015/TT-BTNMT ngày 24 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt mục tiêu, nội dung nghiên cứu, sản phẩm chính và chỉ tiêu đánh giá Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Bộ “Khoa học và công nghệ nhằm nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo khí tượng, thủy



văn, hải văn và phục vụ quản lý nhà nước về khí tượng, thủy văn và biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020”, mã số TNMT.05/16-20 (chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình khoa học và công nghệ tại Điều 1 theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

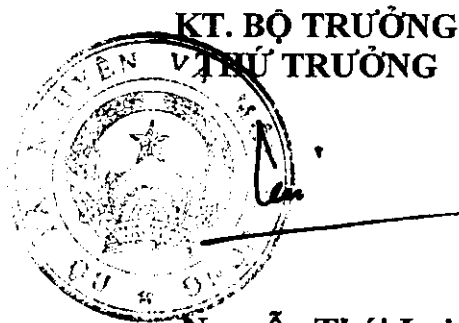
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch, Tài chính, Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Linh Ngọc;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- Lưu VT, KHCN.TDH.20

om ct



Nguyễn Thái Lai

MỤC TIÊU, NỘI DUNG NGHIÊN CỨU, SẢN PHẨM CHÍNH VÀ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

“Khoa học và công nghệ nhằm nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo khí tượng, thủy văn, hải văn và phục vụ quản lý nhà nước về khí tượng, thủy văn và biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020”, mã số TNMT.05/16-20

(Kèm theo Quyết định số 2248/QĐ - BTNMT ngày 04 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường)

I. Mục tiêu

- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn và hải văn (KTTV-HV), khả năng phục vụ của thông tin KTTV-HV và biến đổi khí hậu trong công tác phòng chống thiên tai và phát triển kinh tế xã hội;
- Hoàn thiện hệ thống quan trắc KTTV-HV, giám sát biến đổi khí hậu; tăng cường khả năng xử lý, đồng hóa số liệu quan trắc KTTV- HV;
- Cung cấp cơ sở khoa học xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu.

II. Nội dung chủ yếu

1. Về nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo KTTV-HV; khả năng phục vụ của thông tin KTTV-HV trong phát triển kinh tế xã hội.
 - Nghiên cứu bản chất và tác động của gió mùa, ENSO đến thời tiết, khí hậu Việt Nam; các hình thái thời tiết gây mưa lớn; sự hình thành, phát triển, cấu trúc và phân bố của bão, áp thấp nhiệt đới;
 - Nghiên cứu xây dựng mô hình, phương pháp và công cụ dự báo KTTV-HV nghiệp vụ hạn ngắn, hạn dài, hạn mùa, cảnh báo hạn cực ngắn; cơ sở dữ liệu và công nghệ dự báo/cảnh báo cấp độ rủi ro cho các loại thiên tai khí tượng thủy văn;
 - Phát triển công nghệ dự báo thủy văn nhằm nâng cao hiệu quả triển khai các quy trình vận hành liên hồ chứa; công nghệ hiện đại cảnh báo lũ, lũ quét, sạt lở đất đá vùng núi, ngập lụt đô thị;
 - Nghiên cứu công nghệ dự báo sóng, dòng chảy, nước biển dâng, ngập lụt ven bờ phục vụ các hoạt động kinh tế, xã hội, tìm kiếm cứu nạn và khắc phục sự cố trên biển;
 - Nghiên cứu đánh giá tài nguyên khí hậu; phân vùng khí hậu; dao động và xu thế biến đổi khí hậu; phân vùng thủy văn và tài nguyên nước;
 - Nghiên cứu đa dạng hóa sản phẩm dự báo KTTV- HV; xây dựng các quy trình dự báo KTTV-HV.

2. Về hoàn thiện hệ thống quan trắc KTTV- HV, giám sát biến đổi khí hậu; tăng cường khả năng xử lý, đồng hóa số liệu quan trắc KTTV- HV.

- Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống quan trắc KTTV-HV và giám sát biến đổi khí hậu;

- Đánh giá dự báo KTTV- HV và đồng hóa số liệu quan trắc vào các mô hình dự báo KTTV- HV; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, truyền tin KTTV- HV.

3. Về cung cấp căn cứ khoa học hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nhà nước về KTTV-HV và biến đổi khí hậu.

- Cung cấp cơ sở khoa học phục vụ xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về KTTV- HV;

- Nghiên cứu hoàn thiện hệ thống văn bản kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo về KTTV- HV và biến đổi khí hậu.

III. Sản phẩm khoa học và công nghệ chính

- Mô hình mô phỏng các hình thái thời tiết gây mưa lớn và các mô hình dự báo mưa lớn theo hình thái thời tiết; mô hình công nghệ chuyên dụng dự báo xoáy thuận nhiệt đới;

- Hệ thống các mô hình, phương pháp và công cụ dự báo KTTV-HV nghiệp vụ hạn ngắn, hạn dài, hạn mùa và cảnh báo hạn cực ngắn; cơ sở dữ liệu và công nghệ dự báo/cảnh báo cấp độ rủi ro cho các loại thiên tai khí tượng thủy văn. Hệ thống mô hình công nghệ dự báo tổ hợp khí hậu hạn mùa và các hiện tượng khí hậu cực đoan;

- Bộ bản đồ phân vùng khí hậu cho Việt Nam; báo cáo đặc điểm khí hậu chi tiết cho các địa phương, phân vùng khí hậu, dao động và xu thế biến đổi khí hậu; bản đồ phân vùng thủy văn - tài nguyên nước phục vụ phát triển kinh tế xã hội cho một số ngành và các địa phương;

- Bản vẽ thiết kế, sơ đồ, công nghệ chế tạo, lắp ráp thiết bị hệ thống quan trắc, giám sát, lưu trữ, xử lý tự động số liệu KTTV-HV phục vụ cho dự báo và người sử dụng; Quy trình, quy phạm hướng dẫn quan trắc KTTV-HV và giám sát biến đổi khí hậu; Công nghệ giám sát hệ thống quan trắc phục vụ công tác quản lý lưới trạm;

- Quy hoạch mạng lưới trạm KTTV-HV phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội trong tương lai; công nghệ tổ hợp các số liệu viễn thám (vệ tinh, ra đa truyền tin, ra đa biển), số liệu quốc tế với các số liệu quan trắc tại trạm và đồng hóa các số liệu này vào các mô hình dự báo KTTV-HV;

- Cơ sở khoa học và dự thảo các văn bản kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo và quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu.

IV. Các chỉ tiêu đánh giá Chương trình

1. Chỉ tiêu về trình độ khoa học: 100% đề tài nghiên cứu có kết quả được công bố trên các tạp chí khoa học công nghệ có uy tín, trong đó ít nhất có 20% đề tài nghiên cứu có kết quả được công bố trên các tạp chí quốc tế trong danh mục ISI hoặc SCI.

2. Chỉ tiêu về ứng dụng vào thực tiễn: 70% các kiến nghị, giải pháp, mô hình, công nghệ đề xuất được chấp thuận và cho phép triển khai trong nghiệp vụ dự báo và phục vụ về KTTV- HV.

3. Chỉ tiêu sở hữu trí tuệ: Có khoảng 5% số đề tài có kết quả được chấp nhận đơn yêu cầu bảo hộ sở hữu trí tuệ (giải pháp hữu ích hoặc sáng chế).

4. Chỉ tiêu về đào tạo: 30% số đề tài góp phần đào tạo tiến sĩ hoặc thạc sĩ chuyên ngành.

5. Chỉ tiêu về cơ cấu nhiệm vụ khi kết thúc chương trình.

- 65% đề tài có kết quả nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo KTTV; nâng cao giá trị và khả năng phục vụ của thông tin KTTV-HV phục vụ phát triển Kinh tế Xã hội;

- 20% đề tài có kết quả giúp hoàn thiện hệ thống quan trắc KTTV-HV, giám sát Biến đổi khí hậu; tăng cường khả năng xử lý, đồng hóa số liệu quan trắc KTTV-HV;

- 15% đề tài có kết quả cung cấp căn cứ khoa học hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu.

cl